TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BẮC TÂN UYÊN** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do -Hạnh phúc**

Bản án số: 12 /2020/HNGĐ-ST
Ngày: 16-7-2020
V/v"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Hùng.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Vương Văn Bi;
2. Bà Vũ Thị Hạnh.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Trường -Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:*** Ông Nhâm Hoàng Long - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 76/2020/TLST-HNGĐ, ngày 01 tháng 6 năm 2020 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2020/QĐXXST-HNGĐ, ngày 30 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Ngô Thị Thu C, sinh năm 1981; địa chỉ: Tổ 27, Ấp 6, xã T, huyện B, tỉnh D; có mặt.

- *Bị đơn*: Ông Trần Ngọc T, sinh năm 1976; địa chỉ: Tổ 27, Ấp 6, xã T, huyện B, tỉnh D; có đơn xin giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 19 tháng 5 năm 2020, trong quá trình tố tụng nguyên đơn bà Ngô Thị Thu C trình bày:

Bà Ngô Thị Thu C và ông Trần Ngọc T tự nguyện tìm hiểu nhau khoảng 06 tháng, được cha mẹ hai bên đồng ý, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Bình Lợi, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai quyển số 01, số 39 ngày 26/12/2005.

Sau khi cưới nhau bà C về làm dâu trong gia đình ông T, thời gian đầu hạnh phúc, một thời gian sau khi sinh con thì phát sinh mâu thuẫn do ông T hay đi uống rượu về và thường xuyên có lời qua tiếng lại với bà C. Bà C cho rằng không có tình cảm với ông T, sỡ dĩ bà kết hôn với ông T là do sự tác động từ gia đình. Cả bà C và

ông T không có niềm tin và tình cảm đối với nhau khi cưới. Giữa vợ chồng thường bất hòa và mâu thuẫn. Từ năm 2019 đến nay bà C đã về nhà mẹ ruột sống.

Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống, bà C khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn chồng là ông Trần Ngọc T.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Trần Thị Kim T1, sinh ngày 14/02/2006 và Trần Quốc T2, sinh ngày 21/9/2009. Trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn bà C yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Trần Thị Kim T1; ông T được quyền nuôi dưỡng con chung tên Trần Quốc T2. Bà C không yêu cầu ông T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà Ckhông yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 23/6/2020, bị đơn ông Trần Ngọc T trình bày:

Ông T thống nhất về thời gian kết hôn cũng như mâu thuẫn lúc đầu, ông biết việc bà C gửi đơn yêu cầu ly hôn nhưng vì không đồng ý ly hôn nên ông T không đến Tòa án để làm việc. Quá trình chung sống vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn mà chỉ vì bà C hết tình cảm với ông Tnên từ tháng 4/2020 đến nay bà C đã đi khỏi nhà. Do vẫn còn tình cảm với bà C nên ông T không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Ông T thống nhất với lời trình bày của bà C về vấn đề con chung. Trường hợp Tòa án cho ly hôn, ông đồng ý để bà C được nuôi cháu Trần Thị Kim T1 còn ông T đồng ý nuôi dưỡng cháu Trần Quốc T2, không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và vay nợ chung: Ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 05/6/2020 cháu Trần Thị Kim T1, sinh ngày 14/02/2006 có nguyện vọng được sống với bà C và cháu Trần Quốc T2, sinh ngày 21/9/2009 có nguyện vọng muốn sống với ông T.

Qua xác minh trình trạng hôn nhân tại nơi vợ chồng bà C và ông T sinh sống được chính quyền địa phương xác định không rõ mâu thuẫn giữa vợ chồng bà C và ông T. Vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn nhưng là mâu thuẫn nội bộ và vợ chồng tự giải quyết không nhờ đến chính quyền can thiệp, giúp đỡ, hòa giải.

Ý kiến của Vị đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa sơ thẩm:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến trước khi nghị án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định pháp luật của người tiến hành tố tụng. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định pháp luật, riêng bị đơn ông Trần Ngọc T đã được Tòa án tống đạt các Thông báo tố tụng hợp lệ thông qua hình thức niêm yết công khai tại nơi cư trú, UBND xã và trụ sở Tòa án nhưng cố tình vắng mặt không nêu có lý do. Tuy nhiên, việc ông Tcó đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt là đúng quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Vụ án được xét xử trong thời hạn luật định. Viện Kiểm sát không kiến nghị, khắc phục gì thêm.

Về quan điểm của Viện Kiểm sát đối với vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Ngô Thị Thu C. Về tài sản chung, nợ chung các đương sự khai không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Bị đơn ông Trần Ngọc T hiện đang cư trú, sinh sống trên địa bàn huyện Bắc Tân Uyên nên Tòa án nhân dân huyện Bắc Tân Uyên thụ lý, giải quyết vụ án đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 35, khoản 2 Điều 36 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn ông Trần Ngọc T vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án xét xử vụ án vắng mặt bị đơn ông Trần Ngọc T là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự,

[2] Về nội dung vụ án:

Bà Ngô Thị Thu C và ông Trần Ngọc T tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Bình Lợi, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai vào ngày 26/12/2005 (Quyển số 01, số 39) nên đây là hôn nhân hợp pháp

Theo nguyên đơn bà Ngô Thị Thu C trình bày, vợ chồng đã phát sinh nhiều mâu thuẫn trong suốt thời gian chung sống nguyên nhân bà C cho rằng ông T thường xuyên uống rượu về đánh đập bà nhiều lần, gia đình có khuyên bảo nhưng không có kết quả. Bà C cho rằng khi sống với ông T không có hạnh phúc, vợ chồng còn thường xuyên lời qua tiếng lại với nhau. Bà C khai từ năm 2019 đến nay bà C đã về nhà mẹ ruột để sống. Tại phiên tòa hôm nay, bà C xác định vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với ông Tấn.

Đối với ông T: Theo biên bản lấy lời khai ngày 23/6/2020, ông Txác định trong thời kỳ hôn nhân không có mâu thuẫn với bà Cnên không đồng ý ly hôn. Tòa án cũng đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để triệu tập ông Tđến để hòa giải, động viên nhằm hàn gắn lại tình cảm vợ chồng nhưng ông Tkhông đến Tòa án để tham gia hòa giải cho thấy ông Tcũng không còn thiện chí đoàn tụ và từ bỏ quyền và nghĩa vụ của mình.

Xét thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng bà C và ông T đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, cả hai bên đều không ai mong muốn trở về đoàn tụ để tiếp tục sống chung nghĩ nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Ngô Thị Thu C về việc ly hôn với ông Trần Ngọc T là có căn cứ, phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Xét thấy, cháu Trần Kim T1, sinh ngày 14/02/2006 và cháu Trần Quốc T2, sinh ngày 21/9/2009 đã trên 07 tuổi, qua làm việc với cháu T1 và cháu T2 tại Tòa án có sự chứng kiến của bà C, cháu T1 có nguyện vọng được trực tiếp sống với bà C và cháu T2 muốn được sống với ông T trong trường hợp cha, mẹ ly hôn. Căn cứ khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án quyết định giao cháu T1 cho bà C và cháu T2 cho ông Ttrực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục sau khi ly hôn cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi là phù hợp với nguyện vọng của các cháu và quy định của pháp luật.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không không đặt ra xem xét.

- Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không đặt ra xem xét.

[4] Lời đề nghị của vị đại diện Viện Kiểm sát về quan điểm giải quyết vụ án là có căn cứ nên chấp nhận.

[5] Về án phí sơ thẩm: Bà Ngô Thị Thu C phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 59, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn bà Ngô Thị Thu C đối với ông Trần Ngọc T.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Ngô Thị Thu C được ly hôn với ông Trần Ngọc T.

- Về con chung và mức cấp dưỡng nuôi con:

Bà Ngô Thị Thu C được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trần Thị Kim T1, sinh ngày 14/02/2006; ông Trần Ngọc T được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trần Quốc T2, sinh ngày 21/9/2009. Bà C và ông T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Bà C và ông T đều có quyền và nghĩa vụ đối với con chung, hai bên đều có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Trường hợp các bên lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì bên còn lại có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì quyền và lợi ích về mọi mặt của con chưa thành niên, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con khi một hoặc cả hai đương sự có yêu cầu.

- Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

Bà Ngô Thị Thu C phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0030987 ngày 25/5/2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Bắc Tân Uyên.

3. Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án

trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND Tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Bắc Tân Uyên;
- CCTHADS huyện Bắc Tân Uyên;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Mạnh Hùng